

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/01/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+TD1+TD2	7:25	18+3+1	0+0+0		14+0+2	0+0+0	
2		PPD	7:25	22	0		22	0	
3		P4	7:25	22	0		15	0	
4		CTK3+TD5	7:25	22	0		2+1	0	
5		PPD	9:25	22	0		15	0	
6		AMID+TGTH5+HSD	9:25	17+2+1	0+0+0		12+2+2	0+0+0	
7		RCS+CTK3	9:25	10+12	0+0		0+12	0+0	
8		BK14+CLO+P8	9:25	17+2+2	0+0+0		7+7+2	0+0+0	
9		NAGA3+TGTH1+TGTH4	11:15	6+5+2	0+0+0		6+5+4	0+0+0	
10		T.JUNG	11:25	18	0		15	0	
11		P11	11:25	22	0		0	0	
12		BK15+P10	11:25	14+8	0+0		0+13	0+0	
13		BK9+PPD	11:25	6+16	0+0		5+0	0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Ghi chú CNV qua NAGA3 (nếu có sự đồng ý 2 bên)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 01	TO: RP3 - TD1 - TD2	CREW: LHM - ĐỨC - ĐANG	ETA: 09:25
TRANG-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG THANH HOA	RP3	79	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
2	KHARITONOV YURY	RP3	80-81	2	15		78	KHI	Russian
3	NGUYEN TRONG TUAN	RP3					75	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN CHINH THI	RP3	77	1	4		78	KHI	Vietnamese
5	HA VAN THUY	RP3	63-64	2	10		72	KHI	Vietnamese
6	PHAM NGOC HUNG	RP3	65	1	4		80	KHI	Vietnamese
7	PHAM VAN KY	RP3	78	1	2		57	KHI	Vietnamese
8	HOANG VAN HAI	RP3	60	1	10		63	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN VAN CU	RP3	68	1	4		60	KHI	Vietnamese
10	PHAM MINH TOAN	RP3	61-62	2	13		60	YTE	Vietnamese
11	PHAM QUOC KHANH	RP3	66	1	4	70	82	KHI	Vietnamese
12	VO DON LONG	RP3	69	1	8		73	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG NAM	RP3	67	1	4		64	KHI	Vietnamese
14	HOANG VAN CHUONG	RP3	73-74	2	10	10	70	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN HUU NAM	RP3	75-76	2	10		72	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN MINH PHAT	RP3	71-72	2	10		65	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HOAI	RP3	70	1	5		58	PSV	Vietnamese
18	PHAM NGOC CHI	RP3	53	1	4		58	PSV	Vietnamese
19	BUI VAN TUYEN	TD1	55	1	10	77	58	XAYLAP	Vietnamese
20	HA XUAN BINH	TD1	09-10	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐANG ANH TUAN	TD1	11-12	2	12		52	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN VAN VUONG	TD2	97	1	5	20	76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	18	23	122	1.218	80	14		
2	TD1	3	5	42	180	77	0		
3	TD2	1	1	5	76	20	2		
TOTAL		22	29	169	1.474	177	16		
WEIGHT KG				169	1.474	177			

GRAND TOAL: 1.820 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/01/2023	TO: PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - ĐNam - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN TINH	PPD	17-19	3	20		77	CODIEN	Vietnamese
2	TRAN ĐUC QUANG	PPD	76	1	3		72	KHI	Vietnamese
3	OKOVANTSEV GENNADY	PPD	89	1	9		117	KHI	Russian
4	VÔ VĂN QUYÊN	PPD	92	1	5		70	KHI	Vietnamese
5	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	68	1	4		73	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN ĐUC LAM	PPD	87	1	8		74	KHI	Vietnamese
7	ĐO VĂN TUAN	PPD	71	1	3	80	68	KHI	Vietnamese
8	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	82	1	7		88	KHI	Vietnamese
9	TRỊNH VĂN CƯỜNG	PPD	86	1	4		70	KHI	Vietnamese
10	NGÔ SỸ THANH	PPD	69	1	3		90	KHI	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC HUNG	PPD	90	1	4		60	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN ANH TÚ	PPD	80	1	9		77	KHI	Vietnamese
13	TRƯỜNG HAI HA	PPD	84	1	6		72	KHI	Vietnamese
14	LÊ TRUNG LAN	PPD	65	1	5		77	KHI	Vietnamese
15	LÊ THANH TRUNG	PPD	85	1	3		64	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN THE HUNG	PPD	88	1	6		72	KHI	Vietnamese
17	CAO NAM QUY	PPD	81	1	3		72	KHI	Vietnamese
18	TRỊNH QUỐC THANH	PPD	66-67	2	10		100	KHI	Vietnamese
19	LUƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	91	1	6		60	KHI	Vietnamese
20	PHẠM HOANG NGUYEN	PPD	83	1	4		62	KHI	Vietnamese
21	DOAN VIET ĐIỆP	PPD	70	1	3		62	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

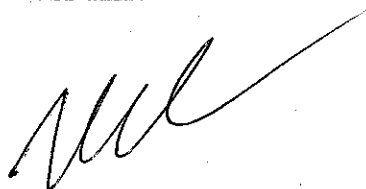
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	21	24	125	1.577	80	22		
	TOTAL	21	24	125	1.577	80	22		
	WEIGHT KG			125	1.577	80			

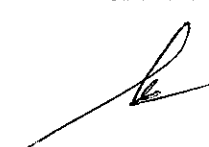
GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





pe lầy dủ M

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: P4	CREW: TTrung - VLin - MQUÂN -	ETA: 09:15
cam-1		Tú	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN NĂM	P4					70	KHI	Vietnamese
2	OVCHRENKO A.H	P4	58	1	5		75	KHI	Russian
3	ZAGUDAEV VITALI	P4	56	1	5		78	KHI	Russian
4	LÊ VĂN HOÀN	P4	57	1	5		68	KHI	Vietnamese
5	LÊ VĂN MẠNH	P4	03	1	5		60	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	09	1	5		70	KHI	Vietnamese
7	PHẠM QUỐC DUY	P4	08	1	5	60	62	KHI	Vietnamese
8	HOANG THAI DƯƠNG	P4	06-07	2	15		68	KHI	Vietnamese
9	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P4	11	1	5		70	KHI	Vietnamese
10	BUI QUANG HUY	P4	10	1	8		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH ĐỨC	P4	62	1	5		90	KHI	Vietnamese
12	DƯƠNG ĐÌNH HIỆN	P4	59	1	3		65	KHI	Vietnamese
13	LÊ QUANG VINH	P4	12	1	5		65	KHI	Vietnamese
14	PHẠM HỮU THỌ	P4	55	1	5		70	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NGHIỆM	P4	02	1	8		63	KHI	Vietnamese
16	TRẦN BA THƯƠNG	P4	01	1	11		63	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN TẢO	P4	04-05	2	7		65	KHI	Vietnamese
18	TRẦN CÔNG VƯƠNG	P4	60	1	5		55	PSV	Vietnamese
19	PHẠM CÔNG ĐIỆN	P4	61	1	5		70	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN HỒNG	P4	49	1	5		63	PSV	Vietnamese
21	TRƯƠNG TÍN	P4	54	1	10		70	PSV	Vietnamese
22	PHẠM HỒNG ĐIỆN	P4	53	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	23	132	1.495	60	15		
TOTAL		22	23	132	1.495	60	15		
WEIGHT KG				132	1.495	60			

GRAND TOAL: 1.687 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/01/2023	TO: CTK3 - TD5	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: KHOÀN - Hạnh - THỤ	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG HIẾN	CTK3	37	1	5		65	HVJOC	Vietnamese
2	VŨ VĂN TIẾN	CTK3	27	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
3	CAO VĂN ĐẠU	CTK3	28	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN DUY ANH	CTK3	31	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ XUÂN TRỰC	CTK3	40	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ MINH TOÀN	CTK3	25-26	2	12		108	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN TRI	CTK3	24	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI TIẾN DŨNG	CTK3	42	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH NHỎ HOÀNG	CTK3	38	1	6		88	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG CHUÔNG	CTK3	43	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHONG	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	41	1	7		46	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THIÊN TOÀN	CTK3	39	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÀO VIỆT HÙNG	CTK3	34-35	2	15		62	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	44	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HOANG TUNG	CTK3	36	1	10		88	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TU THẮNG	CTK3	30	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI VĂN BÁC	CTK3	29	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN KHẮC THẮNG	CTK3	32	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI MINH HẢI	CTK3	33	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU HẬU	CTK3	22-23	2	14		82	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN DANG TUAN	TD5	23	1	14		60	DIA VLY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	21	23	141	1.462	0	21		
2	TD5	1	1	14	60	0	1		
TOTAL		22	24	155	1.522	0	22		
WEIGHT KG				155	1.522	0			

GRAND TOAL: 1.677 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	TO: PPD	CREW: Lhài - ĐỨC - ĐANG	ETA: 11:35
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MINH KHOAN	PPD	48	1	7		83	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG HIẾN	PPD	33	1	5		57	KHI	Vietnamese
3	LÊ XUÂN MINH	PPD	35	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TRUNG	PPD					71	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ SỸ KHOA	PPD					76	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN VINH	PPD	34	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN VĂN THUẬN	PPD	46	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
8	HUYNH BA NINH	PPD	43	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔ QUANG HUY	PPD					67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH NAM	PPD	42	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGO ĐỨC VỌNG	PPD					67	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG NHẬT QUANG	PPD				30	74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	PPD	47	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HUY HOANG	PPD					92	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO SÁCH ĐỨC	PPD	45	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN DOAN HƯƠNG	PPD	36	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ QUANG NINH	PPD					66	KHI	Vietnamese
18	VU ĐỨC HOANG	PPD	44	1	6		66	KHI	Vietnamese
19	VU VĂN SƠN	PPD	40	1	15		59	KHI	Vietnamese
20	ĐO ĐÌNH TRƯỞNG	PPD	41	1	4		60	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN TÙNG	PPD	39	1	7		70	KHI	Vietnamese
22	VI ĐỨC TU	PPD	37-38	2	15		63	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	16	94	1.531	30	15		
TOTAL		22	16	94	1.531	30	15		
WEIGHT KG				94	1.531	30			

GRAND TOAL: 1.655 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 07	TO: RC5 - CTK3	CREW: TTrung - VLin - MQUÂN -	ETA: 11:25
TRANG-2		Tú	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH CHIẾN THẮNG	RC5	68	1	6		72	XAYLAP	Vietnamese
2	HOÀNG BÀ THẮNG	RC5	59	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAN VĂN ĐƯƠNG	RC5	62	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
4	TRƯƠNG VĂN NHIÊU	RC5	65	1	10	30	80	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH SƠN	RC5	69-70	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG TUẤN	RC5	71-72	2	18		80	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN TRƯỜNG	RC5	63-64	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN KHÁ	RC5	74-75	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐINH VĂN THIÊN	RC5	66-67	2	18		56	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ HUY	RC5	60-61	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN NGỌC HIỆP	CTK3	46	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NAM	CTK3	56	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẠO ĐỨC THẮNG	CTK3	57	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	54	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	55	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT TIẾN	CTK3	48	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG VIỆT HUNG	CTK3	47	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ TRỌNG NGHĨA	CTK3	45	1	5	55	65	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN BA	CTK3	53	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐINH QUANG HOÀN	CTK3					68	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM BA HOÀNG	CTK3	51-52	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN ĐÌNH MINH	CTK3	49-50	2	5		82	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	10	16	143	695	30	0		
2	CTK3	12	13	73	830	55	11		
TOTAL		22	29	216	1.525	85	11		
WEIGHT KG				216	1.525	85			

GRAND TOAL: 1.826 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	TO: AMD - TGTH5 - HSD	CREW: HUNG - ĐNam - DTùng	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN VAN CHINH	AMD	13	1	5		70	HLJOC	Vietnamese
2	TRUONG HOANG NGOC	AMD	14	1	10	15	56	HLJOC	Vietnamese
3	HUYNH TAN THANG	AMD	15-16	2	10		73	HLJOC	Vietnamese
4	TRAN NAM TRUNG	AMD	03-04	2	6		75	HLJOC	Vietnamese
5	TRINH THUONG MAI	AMD	35-36	2	9		58	TLJOC	Vietnamese
6	NGUYEN ANH DUY	AMD	28	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
7	LA THANH	AMD	09	1	8	30	83	KH-THAC	Vietnamese
8	TRINH VAN PHA	AMD	37	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI SY QUYEN	AMD	01	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
10	VU VIET THANG	AMD	31-32	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM TUAN ANH	AMD	33-34	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRUONG THE HIEN	AMD	07	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
13	DOAN TAN TRI	AMD	30	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TAN	AMD	29	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VAN PHANG	AMD	26-27	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM VAN TUAN	AMD	05-06	2	10		83	PSV	Vietnamese
17	PHAM TUAN THANH	AMD	02	1	4		77	PSV	Vietnamese
18	DO VAN THAO	TGTH5	10	1	13		70	HLJOC	Vietnamese
19	PHAM ANH DUC	TGTH5	09	1	8	30	70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN BA QUAN	HSD	87-88	2	10	30	80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	17	24	136	1.182	45	12		
2	TGTH5	2	2	21	140	30	2		
3	HSD	1	2	10	80	30	2		
TOTAL		20	28	167	1.402	105	16		
WEIGHT KG				167	1.402	105			

GRAND TOAL: 1.674 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/01/2023	TO: BK14 - CLO - P8	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: KHOÀN - Hạnh - THỤ	ETA: 11:30
Vang - 2			

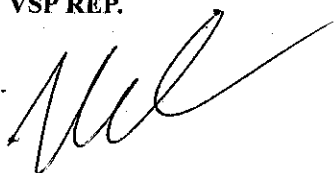
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NAM THAI	BK14	69	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
2	LE ANH TUAN	BK14	66	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
3	DOAN QUANG TUAN	BK14	67-68	2	12		64	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN HUU TRUNG	BK14	70	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VIET LONG	BK14	63	1	5	20	67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN CHI HA	BK14	55	1	18		71	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN DOAN HA	BK14	51-52	2	15		90	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM NGOC NAM	BK14	60-61	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN PHUC SANG	BK14	64-65	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
10	LE XUAN TRUNG	BK14	44	1	17		57	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN DOAN DOAN	BK14	56-57	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
12	LE VAN DUONG	BK14	45-46	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN BA DIEN	BK14	58	1	12	18	80	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG VAN MANH	BK14	49-50	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
15	LE XUAN TUNG	BK14	53-54	2	14		77	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN VAN DUNG	BK14	47-48	2	18		80	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAM NGOC NINH	BK14	62	1	5		76	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN HUU VIET	CLO	43	1	14		62	DVL	Vietnamese
19	PHAM VAN TUONG	CLO	44	1	12		81	DVL	Vietnamese
20	PHAM VAN SANG	P8	29	1	15	20	70	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN QUANG HOAN	P8	30-31	2	17		85	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	17	26	218	1.209	38	7		
2	CLO	2	2	26	143	0	7		
3	P8	2	3	32	155	20	2		
TOTAL		21	31	276	1.507	58	16		
WEIGHT KG				276	1.507	58			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 11:30
FLIGHT: 09	TO: NAGA3 - TGTH1 - TGTH4	CREW: NKhánh - TRƯỜNG	ETA: 13:15
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	NAGA3	67-68	2	12		52	KHAI THA	Vietnamese
2	ĐÀO THẾ HÙNG	NAGA3	71	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH VĂN SƠN	NAGA3	70	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG QUANG HUY	NAGA3	64	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHÙNG VĂN KHANH	NAGA3	65-66	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ QUANG HẢI	NAGA3	69	1	14		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY LAM	TGTH1	03	1	10		65	HLJOC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC NHÀ	TGTH1	02	1	8	40	50	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM TÂN ANH ĐỨC	TGTH1	97-98	2	8		63	KH-THAC	Vietnamese
10	THAI THANH THẢO	TGTH1	01	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN NGHĨA	TGTH1	99,400	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHUNG MINH HAI	TGTH4	92	1	5	40	70	HLJOC	Vietnamese
13	LÊ VINH QUANG	TGTH4	93	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	NAGA3	6	8	67	410	0	6		
2	TGTH1	5	7	48	320	40	5		
3	TGTH4	2	2	10	137	40	4		
TOTAL		13	17	125	867	80	15		
WEIGHT KG				125	867	80			

GRAND TOAL: 992 KGS +80

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 09:15
FLIGHT: 10	TO: T.UNG	CREW: MMinh - Nam	ETA: 12:30
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM HUYNH CUONG	T.UNG	14	1	18		82	CODIEN	Vietnamese
2	HOANG HUU TRONG	T.UNG	12	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN TRUNG PHONG	T.UNG	01,05	2	18		68	CODIEN	Vietnamese
4	LUONG CONG DAT	T.UNG	02	1	8		68	YTE	Vietnamese
5	NGUYEN DUC BINH	T.UNG	10	1	8		68	PVEP ITC	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC HIEU	T.UNG	11	1	5		72	PVEP ITC	Vietnamese
7	ZELENSKII	T.UNG	15	1	5		75	KH-THAC	Russian
8	PHAM HONG SON	T.UNG	08	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN VIET TUNG	T.UNG				60	65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRUNG DUONG	T.UNG	07	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN DUC CUONG	T.UNG	09	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
12	VU DUY DUNG	T.UNG	13	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THANH NAM	T.UNG	03-	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
14	KIEU XUAN TAM	T.UNG	04	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM VAN THI	T.UNG					75	KH-THAC	Vietnamese
16	TO HUNG DUNG	T.UNG	06	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN THANH HAI	T.UNG	16	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN QUANG HOA	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	18	16	121	1.321	60	15		
TOTAL		18	16	121	1.321	60	15		
WEIGHT KG				121	1.321	60			

GRAND TOAL: 1.502 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/01/2023	TO: P11	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:00
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: HUNG - N.ANH - Vũ	ETA: 13:40
VANG-3			

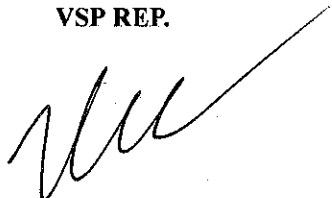
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH NGỌC HUNG	P11	56	1	9		65	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN XUÂN LỘC	P11	71-72	2	18		55	XAYLAP	Vietnamese
3	HÀ THIÊN HUỆ	P11	74-75	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN BA TIẾN	P11	55	1	8		69	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN KHÁC THIỆP	P11	38	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN TRỌNG	P11	57-58	2	18		85	XAYLAP	Vietnamese
7	LƯU CÔNG ĐÌNH	P11	70	1	7		65	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN ĐẠI THẮNG	P11	41-42	2	12		66	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC MINH	P11	61	1	15		82	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN ĐÀU	P11	46	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐOÀN QUANG TRUNG	P11	39-40	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
12	VƯƠNG HUY HOÀN	P11	76-77	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VĂN HUNG	P11	43-44	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ NGỌC ANH	P11	47-48	2	18		90	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI MẠNH HÀ	P11	36-37	2	18		87	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH NAM	P11	68	1	7	15	70	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI XUÂN QUANG	P11	59	1	10	15	75	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC ANH	P11	78-79	2	15		80	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN VĂN ĐOÀN	P11	80	1	10	20	74	XAYLAP	Vietnamese
20	VŨ QUANG DƯƠNG	P11	73	1	18		65	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT HÀ	P11	45	1	11		70	PSV	Vietnamese
22	PHẦN THANH NAM	P11	54	1	13		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	22	32	304	1.569	50	0		
	TOTAL	22	32	304	1.569	50	0		
	WEIGHT KG			304	1.569	50			

GRAND TOAL: 1.923 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:05
FLIGHT: 12	TO: BK15 - P10	CREW: TTrung - Mạnh - PTUẤN	ETA: 13:45
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN CUÔNG	BK15	40	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG VĂN CHUÂN	BK15	52-53	2	14		65	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐỖ ĐỨC HẬU	BK15	54	1	20		62	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ VĂN NIN	BK15	46	1	20	30	68	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN KHẮC THẠCH	BK15	50-51	2	10	30	63	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC TUYẾN	BK15	35-36	2	20		81	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC VĂN	BK15	48-49	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN TẤN	BK15	37	1	15		63	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ TẤT THÀNH	BK15	45	1	12		73	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG VAN KHUONG	BK15	56	1	5		62	XAYLAP	Vietnamese
11	VŨ XUÂN CHÍNH	BK15	42	1	17		65	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI HỒNG SANG	BK15	38-39	2	20		87	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐÀO MINH HAI	BK15	41	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THẮNG	BK15	43-44	2	19		66	XAYLAP	Vietnamese
15	K LỘC	P10	12	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10					78	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM HUYNH VŨ	P10	90-91	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN LỢI	P10	11	1	8	15	63	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM HIỆU LIÊM	P10	94	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	92-93	2	11		58	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC THANH	P10	19	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
22	HỒ NGỌC THANH	P10	95-96	2	10		54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	14	20	212	966	60	0		
2	P10	8	10	63	524	15	13		
TOTAL		22	30	275	1.490	75	13		
WEIGHT KG				275	1.490	75			

GRAND TOAL: 1.840 KGS + 5kg -

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 13	TO: PPD - BK9 - PVD1	CREW: KHOÀN - MTHAO - Huy	ETA: 13:50
HONG-3			

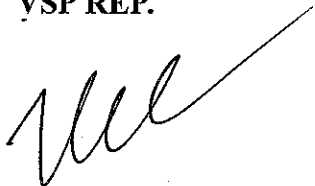
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỐC KHÁNH	PPD	05	1	10		57	KHI	Vietnamese
2	KIỀU VĂN DANH	PPD	06-07	2	12		60	KHI	Vietnamese
3	TRẦN HỮU TÍNH	PPD	04	1	9		71	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT ANH HOÀNG	PPD	13	1	7		57	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU Y	PPD	08	1	12		93	KHI	Vietnamese
6	LÊ TUẤN TỬ	PPD	09	1	8		71	KHI	Vietnamese
7	PHẠM VĂN THẮNG	PPD	14-15	2	15		60	KHI	Vietnamese
8	PHẠM DUY PHƯƠNG	PPD	16-17	2	15		49	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN TRI THỨC	PPD	12	1	9	40	50	KHI	Vietnamese
10	TRẦN ĐÌNH KHANG	PPD	10	1	7		68	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU TỬ	PPD	11	1	7		75	KHI	Vietnamese
12	HOÀNG VĂN HUY	PPD	02-03	2	12		68	KHI	Vietnamese
13	LÊ THANH LẬP	PPD	26-27	2	9		54	KHI	Vietnamese
14	CAO THANH SƠN	PPD	25	1	10		68	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH THÔNG	PPD	28-29	2	11		66	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	BK9	11	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
17	VÕ THẾ HẬU	BK9					70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HIỆU TRUNG	BK9	13	1	6		81	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN TRUNG KIẾN	BK9	14	1	4	50	72	KH-THAC	Vietnamese
20	KOSTIKIN	BK9	80	1	12		130	NIPI	Russian
21	NGUYỄN QUỐC VIỆT	BK9	12	1	12		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

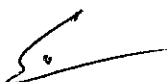
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	15	21	153	967	40	0		
2	BK9	6	5	39	473	50	5		
3	PVD1	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	26	192	1.440	90	6		
WEIGHT KG				192	1.440	90			

GRAND TOAL: 1.722 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

